

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 23



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 4568 /QĐ-BGTVT ngày 03/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về Cổ phần hóa Đoạn Quản lý Đường thủy Nội địa số 4 thành Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4; Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2300882483 ngày 05/3/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp và thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 2 (hai) ngày 27/4/2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300882483 ngày 27/4/2015 là 11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng).

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: INLAND WATERWAY MANAGEMENT AND MAINTENANCE JOINT STOCK COMPANY N04.

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Dương Hải Thanh	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Phi Trường	Ủy viên
	Ông Phạm Hồng Minh	Ủy viên
	Ông Trần Văn Ôn	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Tặng	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Dương Hải Thanh	Giám đốc	(Miễn nhiệm 26/4/2016)
	Ông Phạm Hồng Minh	Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 26/4/2016)
	Ông Nguyễn Phi Trường	Phó Giám đốc	
	Ông Trần Văn Ôn	Phó Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 06/02/2017)
	Ông Trịnh Đình Kiên	Phó Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 06/02/2017)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Phạm Hồng Minh
Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 3 năm 2017

ỨNG
C
T
Đ
A
H

Số: 340/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4Kính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc****Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4, được lập ngày 29/3/2017, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Đình Văn Thắng****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 16/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.**

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Thị Mai Hoa**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2015-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		35.769.317.439	22.001.469.221
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	76.792.201	1.650.138.807
1. Tiền	111		76.792.201	1.650.138.807
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.281.424.222	17.646.218.448
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	28.022.211.310	15.790.419.094
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		924.550.054	451.829.378
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	3.334.662.858	1.403.969.976
IV. Hàng tồn kho	140		3.285.933.530	2.653.405.490
1. Hàng tồn kho	141	5.4	3.285.933.530	2.653.405.490
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		125.167.486	51.706.476
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	125.167.486	51.706.476
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.595.035.117	13.643.809.570
II. Tài sản cố định	220		13.797.021.665	12.375.386.060
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	13.797.021.665	12.375.386.060
- Nguyên giá	222		30.409.867.428	27.491.668.230
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.612.845.763)	(15.116.282.170)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		99.800.000	921.548.181
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	99.800.000	921.548.181
VI. Tài sản dài hạn khác	260		698.213.452	346.875.329
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	698.213.452	346.875.329
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		50.364.352.556	35.645.278.791

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		37.469.821.467	22.990.509.356
I. Nợ ngắn hạn	310		36.603.149.467	21.798.841.356
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	4.372.967.963	3.089.545.678
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		543.511.499	329.704.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	2.751.463.361	2.125.481.736
4. Phải trả người lao động	314		1.749.211	221.527.993
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	17.107.962.839	12.366.629.504
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	11.807.642.440	3.579.205.107
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		17.852.154	86.747.338
II. Nợ dài hạn	330		866.672.000	1.191.668.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	866.672.000	1.191.668.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		12.894.531.089	12.654.769.435
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.12	12.894.531.089	12.654.769.435
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		11.600.000.000	11.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.600.000.000	11.600.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		117.000.000	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		234.000.000	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		943.531.089	1.054.769.435
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ tr	421a		468.969.435	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		474.561.654	1.054.769.435
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		50.364.352.556	35.645.278.791
(440 = 300+400)				

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Chu Thị Thập



Đinh Thị Đào



Phạm Hồng Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 05/3/2015 đến 31/12/2015
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.13	104.270.959.456	58.028.379.524
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		104.270.959.456	58.028.379.524
4. Giá vốn hàng bán	11	5.14	90.497.655.990	49.273.969.116
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		13.773.303.466	8.754.410.408
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.15	3.626.506	49.985.946
7. Chi phí tài chính	22	5.16	817.928.246	132.902.714
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		817.928.246	132.902.714
8. Chi phí bán hàng	25	5.17	6.083.860.660	2.065.266.106
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.17	5.300.417.819	4.976.180.550
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		1.574.723.247	1.630.046.984
11. Thu nhập khác	31	5.18	-	-
12. Chi phí khác	32	5.18	186.247.509	39.325.618
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.18	(186.247.509)	(39.325.618)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		1.388.475.738	1.590.721.366
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.19	314.944.649	418.709.496
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.073.531.089	1.172.011.870
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.20	712	909

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Chu Thị Thập



Đinh Thị Đào



Phạm Hồng Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	Từ 05/3/2015 đến 31/12/2015	
		Năm 2016 VND	VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.388.475.738	1.590.721.366
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	1.496.563.593	1.015.542.804
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.626.506)	(49.985.946)
- Chi phí lãi vay	06	817.928.246	132.902.714
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.699.341.071	2.689.180.938
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(14.634.644.083)	(11.540.392.815)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(632.528.040)	(876.745.615)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	6.089.093.594	5.750.070.103
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(424.799.133)	(326.225.513)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(699.644.913)	(132.902.714)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(247.728.033)	(214.177.903)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.850.909.537)	(4.651.193.519)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.096.451.017)	(3.217.297.854)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.064.815	49.985.946
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.093.386.202)	(3.167.311.908)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ các khoản vay	33	29.605.810.210	8.565.685.533
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(21.702.368.877)	(3.794.812.426)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(532.492.200)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	7.370.949.133	4.770.873.107
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(1.573.346.606)	(3.047.632.320)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.650.138.807	4.697.771.127
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	76.792.201	1.650.138.807

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Chu Thị Thập



Đinh Thị Đào



Phạm Hồng Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 4568 /QĐ-BGTVT ngày 03/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về Cổ phần hóa Đoạn Quản lý Đường thủy Nội địa số 4 thành Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4; Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2300882483 ngày 05/3/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp và thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 02 (hai) ngày 27/4/2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300882483 ngày 27/4/2015 là 11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: INLAND WATERWAY MANAGEMENT AND MAINTENANCE JOINT STOCK COMPANY N04.

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Số lao động bình quân trong năm: 151 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa; điều tiết, khống chế, chống và trôi, đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa; trục vớt, thanh thải vật chướng ngại; hoa tiêu đường thủy nội địa;
- Thi Công xây dựng, sửa chữa Công trình giao thông thủy, bộ, dân dụng và thủy lợi;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa, kinh doanh dầu, hoạt động quản lý đường thủy nội địa.

1.3. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B-09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2016
	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 – 38
Máy móc, thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	05 - 15
Dụng cụ, quản lý	05

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), đối với các công cụ dụng cụ có giá trị lớn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay, chi phí bản quyền trả: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- **Chiết khấu thương mại:** là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Hàng bán bị trả lại:** do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- **Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài:** Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- **Lỗ đầu tư chứng khoán:** Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- **Chi phí đi vay:** Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- **Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán:** theo thực tế phát sinh.

- **Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái:** Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian cổ quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	42.388.681	8.338.626
Tiền gửi ngân hàng	34.403.520	1.641.800.181
Tổng	76.792.201	1.650.138.807

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	28.022.211.310	15.790.419.094
Công ty TNHH Vận tải và xếp dỡ đường thủy nội địa	3.620.138.000	3.620.138.000
Công ty CP Vận tải Á Đông	600.166.085	1.172.335.500
Công ty TNHH một thành viên Hùng Anh Vĩnh Phúc	7.189.811.155	-
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	16.612.096.070	10.997.945.594
Tổng	28.022.211.310	15.790.419.094

5.3 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	3.334.662.858	-	1.403.969.976	-
- Ký cược, ký quỹ	493.261.209	-	-	-
- Phải thu khác	1.029.153.723	-	932.733.733	-
- Tạm ứng	1.812.247.926	-	471.236.243	-
Tổng	3.334.662.858	-	1.403.969.976	-

5.4 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	24.148.636	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	24.545.400	-	-	-
Chi phí SX KDDD	2.186.602.995	-	2.083.406.593	-
Thành phẩm	7.625.303	-	-	-
Hàng hóa	1.043.011.196	-	569.998.897	-
Tổng	3.285.933.530	-	2.653.405.490	-

5.5 Chi phí trả trước

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	125.167.486	51.706.476
Chi phí công cụ, dụng cụ	109.955.146	13.425.794
Chi phí Bảo hiểm	15.212.340	38.280.682
Dài hạn	698.213.452	346.875.329
Chi phí công cụ, dụng cụ	616.074.563	346.875.329
Chi phí hệ thống quản lý chất lượng ISO	82.138.889	-
Tổng	823.380.938	398.581.805

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2016	7.879.819.614	754.901.870	18.810.946.746	46.000.000	27.491.668.230
Tăng trong năm	1.701.001.289	901.000.000	316.197.909	-	2.918.199.198
Mua trong năm	1.701.001.289	901.000.000	316.197.909	-	2.918.199.198
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	<u>9.580.820.903</u>	<u>1.655.901.870</u>	<u>19.127.144.655</u>	<u>46.000.000</u>	<u>30.409.867.428</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2016	1.583.809.472	284.030.030	13.229.200.615	19.242.053	15.116.282.170
Tăng trong năm	516.053.965	104.588.701	869.515.555	6.405.372	1.496.563.593
Khấu hao trong năm	516.053.965	104.588.701	869.515.555	6.405.372	1.496.563.593
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	<u>2.099.863.437</u>	<u>388.618.731</u>	<u>14.098.716.170</u>	<u>25.647.425</u>	<u>16.612.845.763</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2016	<u>6.296.010.142</u>	<u>470.871.840</u>	<u>5.581.746.131</u>	<u>26.757.947</u>	<u>12.375.386.060</u>
Tại 31/12/2016	<u>7.480.957.466</u>	<u>1.267.283.139</u>	<u>5.028.428.485</u>	<u>20.352.575</u>	<u>13.797.021.665</u>

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				
- Chi phí sửa chữa văn phòng	71.709.091	71.709.091	-	-
- Công trình phao dầu số 3	28.090.909	28.090.909	13.636.384	13.636.384
- Công trình phao dầu số 2	-	-	907.911.797	907.911.797
Tổng	<u>99.800.000</u>	<u>99.800.000</u>	<u>921.548.181</u>	<u>921.548.181</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Phải trả người bán*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	4.372.967.963	4.372.967.963	3.089.545.678	3.089.545.678
Hợp tác xã Cổ phần Mùa Xuân	985.059.000	985.059.000	756.204.000	756.204.000
Công ty TNHH MTV Hải Linh Bắc Ninh	-	-	994.632.463	994.632.463
Phải trả người bán ngắn hạn khác	3.387.908.963	3.387.908.963	1.338.709.215	1.338.709.215
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	4.372.967.963	4.372.967.963	3.089.545.678	3.089.545.678

5.9 Thuế và các khoản thu, phải nộp nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2016
Phải nộp	2.125.481.736	2.507.430.425	1.881.448.800	2.751.463.361
Thuế giá trị gia tăng	1.927.753.703	2.061.036.976	1.502.271.967	2.486.518.712
Thuế thu nhập doanh nghiệp	197.728.033	314.944.649	247.728.033	264.944.649
Thuế thu nhập cá nhân	-	12.301.800	12.301.800	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	111.147.000	111.147.000	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	-

5.10 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	17.107.962.839	12.366.629.504
Bảo hiểm xã hội	1.129.598.946	550.991.731
Bảo hiểm y tế	239.830.755	96.331.920
Bảo hiểm thất nghiệp	106.448.879	43.133.275
Phải trả nội bộ các xí nghiệp, các đội	15.596.482.259	11.676.172.578
Dài hạn	-	-
Tổng	17.107.962.839	12.366.629.504



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.11 Vay và nợ thuê tài chính

Mẫu B 09-DN

Đơn vị tính: VND

a. Vay	31/12/2016		Phát sinh trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	11.807.642.440	11.807.642.440	29.605.810.210	21.377.372.877	3.579.205.107	-
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bắc Ninh	6.467.392.440	6.467.392.440	24.239.810.210	21.351.622.877	3.579.205.107	-
Ngân hàng TMCP Quốc dân Bắc Ninh	5.340.250.000	5.340.250.000	5.366.000.000	25.750.000	-	-
Vay dài hạn	866.672.000	866.672.000	-	324.996.000	1.191.668.000	-
- Từ 12 tháng - 60 tháng						
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Bắc Ninh	866.672.000	866.672.000	-	324.996.000	1.191.668.000	-
TỔNG	12.674.314.440	12.674.314.440	29.605.810.210	21.702.368.877	4.770.873.107	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.12 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 05/03/2015	11.600.000.000	-	-	-	11.600.000.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	1.172.011.870	1.172.011.870
Phân phối lợi nhuận (2015)	-	-	-	(117.242.435)	(117.242.435)
Số dư tại 31/12/2015	11.600.000.000	-	-	1.054.769.435	12.654.769.435
Số dư tại 01/01/2016	11.600.000.000	-	-	1.054.769.435	12.654.769.435
Tăng vốn	-	117.000.000	234.000.000	-	351.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	1.073.531.089	1.073.531.089
Phân phối lợi nhuận (2016)	-	-	-	(598.969.435)	(598.969.435)
Chia trả cổ tức (2015)	-	-	-	(585.800.000)	(585.800.000)
Số dư tại 31/12/2016	11.600.000.000	117.000.000	234.000.000	943.531.089	12.894.531.089

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Vốn góp của Nhà nước	5.916.000.000	5.916.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	5.684.000.000	5.684.000.000
Tổng	11.600.000.000	11.600.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Từ 05/3/2015 đến 31/12/2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm (kỳ)	11.600.000.000	11.600.000.000
Vốn góp tăng trong năm (kỳ)	-	-
Vốn góp giảm trong năm (kỳ)	-	-
Vốn góp tại cuối năm (kỳ)	11.600.000.000	11.600.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	585.800.000	-
Phân phối quỹ	598.969.435	117.242.435

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.12 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**d. Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu lưu hành	1.160.000	1.160.000
Số lượng cổ phiếu phát hành	1.160.000	1.160.000
Cổ phiếu phổ thông	1.160.000	1.160.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu lưu hành	1.160.000	1.160.000
Cổ phiếu phổ thông	1.160.000	1.160.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.13 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Từ 05/3/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	104.270.959.456	58.028.379.524
Tổng	104.270.959.456	58.028.379.524

5.14 Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Từ 05/3/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	90.497.655.990	49.273.969.116
Tổng	90.497.655.990	49.273.969.116

5.15 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Từ 05/3/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.626.506	49.985.946
Tổng	3.626.506	49.985.946

5.16 Chi phí tài chính

	Năm 2016	Từ 05/3/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	817.928.246	132.902.714
Tổng	817.928.246	132.902.714

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.17 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Từ 05/3/2015 đến 31/12/2015 VND
Chi phí bán hàng	6.083.860.660	2.065.266.106
Chi phí nhân viên	3.462.161.359	877.296.100
Chi phí vật liệu, bao bì	246.736.021	-
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	269.055.516	347.330.187
Chi phí khấu hao TSCĐ	505.717.714	78.059.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài		
- Chi phí vận chuyển	55.158.078	147.954.727
- Chi phí mua ngoài khác	340.710.236	163.124.393
Chi phí bằng tiền khác		
- Chi phí chiết khấu	341.373.200	307.084.580
- Chi phí bằng tiền khác	862.948.536	144.416.823
Chi phí quản lý	5.300.417.819	4.976.180.550
Chi phí nhân viên quản lý	2.554.387.772	2.748.949.266
Chi phí vật liệu quản lý	171.730.162	164.685.856
Chi phí đồ dùng văn phòng	259.222.089	197.431.619
Chi phí khấu hao TSCĐ	408.915.956	405.470.330
Thuế phí và lệ phí	446.647.099	237.618.643
Chi phí dịch vụ mua ngoài	312.860.079	317.695.021
Chi phí bằng tiền khác		
- Chi tiếp khách, khánh tiết	535.866.177	434.133.215
- Chi phí bằng tiền khác	610.788.485	470.196.600
Tổng	11.384.278.479	7.041.446.656

5.18 Thu nhập/ Chi phí khác

	Năm 2016 VND	Từ 05/3/2015 đến 31/12/2015 VND
Thu nhập khác		
Tổng	-	-
Chi phí khác		
Phạt, lãi chậm nộp thuế và Bảo hiểm	186.247.509	39.325.618
Tổng	186.247.509	39.325.618
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(186.247.509)	(39.325.618)

5.19 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Từ 05/3/2015 đến 31/12/2015 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	314.944.649	418.709.496
Tổng	314.944.649	418.709.496

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016	Từ 05/3/2015 đến 31/12/2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	1.073.531.089	1.172.011.870
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	247.969.435	117.242.435
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	825.561.654	1.054.769.435
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.160.000	1.160.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	712	909

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 05/3/2015 đến ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán.

Người lập



Chu Thị Thập

Kế toán trưởng



Đinh Thị Đào

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 3 năm 2017
Giám đốc



Phạm Hồng Minh

